TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Y

2/ Ông Phùng Văn Long

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 779/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc K,** sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp VQ, xã VK, huyện CT, tỉnh TG.

Bị đơn: **Nguyễn Hồng G**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp VQ, xã VK, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị K có mặt; anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Nguyễn Hồng G tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VK, huyện CT, tỉnh TG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vả. Thời gian sau khi chị K sinh bé thứ hai, anh G có hành vi đánh đập vợ. Vì con chị K cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân với anh G. Nay các con đã lớn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Chị K và anh G có hai con chung tên Nguyễn Phúc S, sinh ngày 20/12/1999, đã trưởng thành và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/5/2005. Hiện cháu H đang sống cùng anh G. Khi ly hôn chị K đồng ý để anh G tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng G dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc K, cho chị K được ly hôn với anh Nguyễn Hồng G. Về con chung: Cháu Nguyễn Phúc S, sinh ngày 20/12/1999, đã trưởng thành nên không xem xét. Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/5/2005 hiện đang sống cùng anh G và nguyện vọng của cháu là muốn sống cùng cha nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu, tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn anh Nguyễn Hồng G dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[**2**] – **Về nội dung yêu cầu:** Chị Nguyễn Thị Ngọc K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hồng G. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị K và anh G xác lập hôn nhân vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị K và anh G đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả. Chị K và anh G đã ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị K và anh G đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Nguyễn Hồng G dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng anh G không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị K, đồng thời tại phiên tòa anh G vắng mặt chứng tỏ anh G không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị K là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị K và anh G có hai con chung tên Nguyễn Phúc S, sinh ngày 20/12/1999 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/5/2005. Cháu S đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu H hiện đang sống cùng anh G, được anh G chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, đồng thời nguyện vọng của cháu H là muốn được sống cùng anh G. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu, tránh làm thay đổi môi trường sống, học tập của cháu Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị K phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc K.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc K được ly hôn với anh Nguyễn Hồng G.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/5/2005 cho anh Nguyễn Hồng G tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc K được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc K phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0021100 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã VK;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh